

家

家

jia

有

ㄏㄡˊ

you

几

𠄎

𠄎

口

(ト ヲ) 止 止

Kō

谁

谁

shéi

爸爸

爸爸

bàba

妈妈

妈 妈

māma

弟弟

HY ㄏㄩ ㄩ ㄩ

!p!p

和

(和) 括 ~

hé

姐姐

ㄐ ㄩ ㄛ ㄩ ㄛ

jiějie

沒有

冇 冇
YO HO

məi yəu

↑

(ty fo) fo

ge

孩子

10 10

hàizi

儿子

子 10

ěrzǐ

女儿

兒

nǚ'ér

真

眞

zhēn

可愛

可 爱 比

kě'ài

这

ㄣ 10 ' 10

zhè

妹妹

ㄇㄟ ㄇㄟ

mèimèi!

山
岁

山 ~ 岁 ~

ins

书

𠄎

ny s

历史

LY FO

LYSII

多

17 10 10

onp

大

大

dà

年紀

nián jì

niàn jì

爷爷

爷爷

yéye

奶奶

奶奶

nǎinai

姥爷

이 할머니

lǎoye

姥姥

ㄌㄠˋ ㄌㄠˋ

lǎo lǎo

叔叔

叔叔

ny sn̩y s

漂亮

ㄆㄧㄠˋ ㄌㄧㄤˋ

piào!iàng

帥

士 丨 丿 冫

shuài

年級

年級

nianji

高中

高中

gāozhōng